TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 120/2020/QĐST–HNGĐ	*Quận 7, ngày 05 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 889/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Ông Châu T, sinh năm 1976

Bị đơn: Bà Châu Thị M, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Số K, Lâm VB, KP4, Phường TK, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Châu T và bà Châu Thị M

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu T và bà Châu Thị M thuận tình ly hôn (Giấy đăng ký kết hôn số H, quyển số 01/2011 do Uỷ ban nhân dân phường TTĐ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/04/2011 không còn giá trị).

Về con chung: Các đương sự xác nhận có 03 (ba) con là:

Châu Thị K (nữ), sinh ngày 15/11/2001 – đã trưởng thành

Châu Thị KT (nữ), sinh ngày 10/12/2007;

Châu Hữu T (nam), sinh ngày 29/04/2008.

Ông Châu T và bà Châu Thị M thống nhất thỏa thuận: ông Châu T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 2 (hai) con chung, là Châu Thị KT (nữ), sinh ngày 10/12/2007; Châu Hữu T (nam), sinh ngày 29/04/2008.

Bà Châu Thị M không cấp dưỡng 2 (hai) nuôi con chung.

Bà Châu Thị M được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0032019 ngày 17/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho ông Châu T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.7, TPHCM;
- C/c THA DS Q.7, TPHCM;
-UBND P.TTĐ, Q.7, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (TK.Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy